ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1179 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 21 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án xây dựng, cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa, xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;

Căn cứ Quyết định số 4494/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016, Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt, phê quyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị Thiều, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án xây dựng, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4582/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán khảo sát, lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án xây dựng, cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 1712/SXD-QH ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án xây dựng, cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa, xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo Tờ trình số 461/TTr-BQL ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án xây dựng, cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa, xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:

1. Vị trí, ranh giới lập quy hoạch

Khu đất lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án xây dựng, cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa thuộc địa giới hành chính xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp đất nông nghiệp;

- Phía Nam giáp đường nông nghiệp;

- Phía Đông giáp đường giao thông;

- Phía Tây giáp đất nông nghiệp.

2. Quy mô lập quy hoạch

- Diện tích khu đất lập quy hoạch: 11,12 ha;

- Dự báo sức chứa khu giáo dục đào tạo là 1.620 người; trong đó: sinh viên tham gia học tập là 1.500 người và giáo viên nhà trường là 120 người.

3. Tính chất, chức năng

Là Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa, có nhiệm vụ đào tạo phát triển nguồn nhân lực và hợp tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh miền Bắc.

4. Quy hoạch sử dụng đất

4.1. Quy hoạch sử dụng đất

STT	Hạng mục	Tầng cao	Ký hiệu	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I	**Đất xây dựng công trình**		**GD**	**7.067,00**	**6,35**	
1	Nhà hiệu bộ	2	GD1	236,00		Hiện trạng - cải tạo
2	Nhà làm việc hành chính	2	GD2	339,70		Hiện trạng - cải tạo
3	Nhà văn phòng khoa	2	GD3	272,60		Hiện trạng - cải tạo
4	Thư viện	2	GD4	386,40		Hiện trạng - cải tạo
5	Nhà giảng đường A	3	GD5	685,20		Hiện trạng - cải tạo
6	Nhà giảng đường B	3	GD6	662,00		Hiện trạng - cải tạo
7	Nhà thực hành 1	2	GD7	496,50		Xây mới giai đoạn 2025-2030
8	Nhà thực hành 2	2	GD8	499,50		Xây mới giai đoạn 2025
9	Nhà thực hành 3	2	GD9	283,80		Hiện trạng - cải tạo
10	Nhà hội trường	1	GD10	564,70		Xây mới giai đoạn 2025
11	Nhà tập đa năng	1	GD11	587,40		Xây mới giai đoạn 2025-2030
12	Ký túc xá 1	4	GD12	824,50		Hiện trạng - cải tạo
13	Ký túc xá 2	4	GD13	702,80		Xây mới giai đoạn 2025-2030
14	Nhà ăn - căng tin	1	GD14	432,80		Xây mới giai đoạn 2025-2030
15	Nhà kho	1	GD15	93,10		Hiện trạng - cải tạo
II	**Đất thực hành**		**TT**	**15.635,30**	**14,06**	
1	Chuồng bò (công trình tạm)	1	TT1	348,60		Hiện trạng - cải tạo
2	Trang trại thực hành - Trại bò		TT2	8.158,50		Hiện trạng - cải tạo
3	Chuồng gà (công trình	1	TT3	407,70		Hiện trạng -

STT	Hạng mục	Tầng cao	Ký hiệu	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
	tạm)					cải tạo
4	Trang trại thực hành - Trại gà		TT4	3.286,60		Hiện trạng - cải tạo
5	Chuồng lợn (công trình tạm)	1	TT5	395,20		Hiện trạng - cải tạo
6	Trang trại thực hành - Trại lợn		TT6	3.038,70		Hiện trạng - cải tạo
III	**Đất công trình phụ trợ, HTKT**		**PT**	**1.824,44**	**1,64**	
1	Nhà để xe 1	1	PT1	380,40		Hiện trạng - cải tạo
2	Nhà để xe 2	1	PT2	615,90		Xây mới giai đoạn 2025-2030
3	Bể nước 1		PT3	109,40		Hiện trạng - cải tạo
4	Bể nước 2		PT4	32,27		Hiện trạng - cải tạo
5	Nhà máy nước	1	PT5	257,37	0,23	Hiện trạng - cải tạo
6	Bể nước 3		PT6	49,10		Hiện trạng - cải tạo
7	Bể nước - nhà bơm (xây trên bể nước)	1	PT7	113,90		Xây mới giai đoạn 2025
8	Nhà bảo vệ	1	PT8	17,00		Hiện trạng - cải tạo
9	Trạm biến áp	1	PT9	49,10		Hiện trạng - cải tạo
10	Bể XLNT - nhà bơm (xây trên bể XLNT)	1	PT10	200,00		Xây mới giai đoạn 2025-2030
11	Khu tập kết CTR cho khối trường học		PT11	50,00		Xây mới giai đoạn 2025-2030
12	Khu tập kết CTR cho khu vực thực hành		PT12	50,00		Xây mới giai đoạn 2025-2030
13	Hầm biogas trại bò		PT13	28,00		Xây mới giai đoạn 2025-2030
14	Hầm biogas trại gà		PT14	28,00		Xây mới giai đoạn 2025-2030
15	Hầm biogas trại lợn		PT15	28,00		Xây mới giai đoạn 2025-

STT	Hạng mục	Tầng cao	Ký hiệu	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
						2030
IV	**Đất TDTT (sân giáo dục thể chất)**		**TDTT**	**2.301,00**	**2,07**	**Xây mới giai đoạn 2025-2030**
V	**Đất cây xanh**			**50.167,15**	**45,10**	
1	Cây xanh, cảnh quan, tiểu cảnh		CX	8.948,29		Hiện trạng - cải tạo
2	Vườn thực hành 1		TT7	5.211,30		Hiện trạng - cải tạo
3	Vườn thực hành 2		TT8	4.908,70		Hiện trạng - cải tạo
4	Vườn thực hành 3		TT9	17.684,06		Xây mới giai đoạn 2025-2030
5	Vườn ươm		TT10	3.600,00		Hiện trạng - cải tạo
6	Vườn cỏ chăn nuôi gia súc		TT11	9.814,80		Hiện trạng - cải tạo
VI	**Mặt nước**			**12.561,70**	**11,29**	
1	Mương tưới - tiêu nước			4.061,70		Hiện trạng - cải tạo
2	Ao nuôi trồng thuỷ sản 1		TT12	3.750,00		Hiện trạng - cải tạo
3	Ao nuôi trồng thuỷ sản 2		TT13	4.750,00		Hiện trạng - cải tạo
VII	**Đất sân đường nội bộ**			**21.681,41**	**19,49**	**Xây mới giai đoạn 2025-2030**
VIII	**Tổng diện tích lập QH**			**111.238,00**	**100,00**	

4.2. Chỉ tiêu sử dụng đất đạt được của đồ án

- Mật độ xây dựng toàn khu: 6,58%;

- Tổng diện tích sàn dự kiến: 19.279,97 m^2;

- Hệ số sử dụng đất: 0,17 lần;

- Tầng cao tối đa: 04 tầng.

5. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

- Cơ sở giáo dục đào tạo được tiếp cận với khu vực thông qua 02 cổng ra, vào, gồm:

+ Cổng chính phía Nam khu đất được kết nối với đường Quốc lộ 47A thông qua tuyến đường hiện trạng đang sử dụng tại khu vực;

+ Cổng phụ phía Đông khu đất kết nối với đường giao thông hiện trạng của xã Dân Quyền đi Ngã 3 Thiều.

- Tổ chức không gian trong cơ sở giáo dục đào tạo bao gồm các khu vực chức năng sau:

+ Khu điều hành quản lý (nhà hiệu bộ - văn phòng khoa); Khu học tập và đào tạo (các khối nhà học lý thuyết và nhà thực hành); Khu thể dục thể thao (Nhà đa năng, sân tập); Khu phụ trợ học tập (Hội trường đa năng); Khu nội trú (đảm bảo không gian sinh hoạt cho khoảng 50% học viên); các công trình phụ trợ được bố trí tại phía Đông Nam khu đất lập quy hoạch.

+ Khu đất thực hành gồm: Trại bò, trại gà, trại lợn, vườn thực hành, ao nuôi trồng thủy sản, các công trình công trình hạ tầng kỹ thuật, môi trường... được bố trí tại phía Bắc và Tây Nam khu đất lập quy hoạch.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. San nền - chuẩn bị kỹ thuật

- Cao độ thiết kế san nền được thiết kế trên cơ sở cao độ hiện trạng khu đất trường học đang sử dụng và hiện trạng khu vực lân cận; bảo đảm yêu cầu thoát nước của công trình đồng thời khối lượng san nền là ít nhất.

- Cao độ san nền: Cao nhất 6.86 m; thấp nhất 6.54 m.

- Độ dốc nền đảm bảo lớn hơn 0,10%.

6.2. Quy hoạch giao thông

a) Giao thông đối ngoại:

- Mặt cắt A-A: Lộ giới 16,50 m (Mặt đường 5,25 x 2 = 10,50 m; Hè đường 3,00 x 2 = 6,00 m).

- Mặt cắt B-B: Lộ giới 13,50 m (Mặt đường 3,75 x 2 = 7,50 m; Hè đường 3,00 x 2 = 6,00 m).

b) Giao thông nội bộ:

Gồm 3 trục chính và hệ thống sân đường bê tông được thiết kế bởi các mặt cắt ngang:

- Mặt cắt 1-1: Lộ giới 18,50 m (Mặt đường 5,50 x 2 = 11,00 m; Hè đường 3,00 x 2 = 6,00 m; phân cách giữa 1,50 m).

- Mặt cắt 2-2: Lộ giới 11,50 m (Mặt đường 2,75 x 2 = 5,50 m; Hè đường 3,00 x 2 = 6,00 m).

- Mặt cắt 3-3: Lộ giới 13,50 m (Mặt đường 3,75 x 2 = 7,50 m; Hè đường 3,00 x 2 = 6,00 m).

6.3. Quy hoạch thoát nước mưa

- Sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với nước thải bằng rãnh xây gạch B = 50 cm đối với các tuyến đường đối ngoại, rãnh xây gạch B = 40 cm đối với khu vực sân đường nội bộ. Tận dụng địa hình để thiết kế mạng lưới thoát nước trên nguyên tắc tự chảy.

- Hệ thống mương đất nằm ngoài khu vực thực hành được cải tạo bằng hệ thống cống hộp (1,2x1,2) m.

- Hệ thống thoát nước mưa khu vực vườn thực hành, vườn ươm và vườn cỏ chăn nuôi chủ yếu tự thẩm thấu, phần còn lại thoát về khu ao nuôi trồng thủy sản và mương đất tưới tiêu. Nước trong khu vực ao nuôi trồng thủy sản khi có lưu lượng cao sẽ qua hệ thống cống tròn D600 thoát về hệ thống mương đất tưới, tiêu nước.

- Nước mưa trong các khu vực đào tạo, khu phụ trợ và đường giao thông được thu gom vào hệ thống rãnh xây gạch sau đó chia thành 2 hướng thoát ra hệ thống mương đất phía Nam khu vực quy hoạch và thoát ra hệ thống thoát nước mặt tuyến đường phía Đông theo định hướng QHC đô thị.

6.4. Quy hoạch cấp nước

- Nhu cầu sử dụng nước: Nước sinh hoạt: Q = 161,70 m^3/ngđ; Nước dự phòng cho chữa cháy: 171 m^3.

- Nguồn nước:

+ Nước sạch phục vụ sinh hoạt được đấu từ đường ống D150 dọc tuyến đường phía Nam khu vực quy hoạch, thuộc nhà máy nước sạch Triệu Sơn theo định hướng QHC đô thị Thiều. Trước mắt khi tuyến đường chưa được đầu tư xây dựng, nguồn cấp nước cho khu vực quy hoạc được lấy từ đường ống cấp nước sạch chạy dọc Quốc lộ 47A.

+ Nước phục vụ cho khu vực thực hành, vườn cỏ chăn nuôi chủ yếu được lấy từ ao nuôi trồng thủy sản và mương đất phục vụ tưới tiêu thông qua hệ thống máy bơm.

- Giải pháp mạng lưới đường ống cấp nước:

+ Đường ống cấp nước sinh hoạt từ nguồn cấp được đấu nối vào các bể chứa tại khu vực giảng dạy và lưu trú; sau đó đó bơm lên các hạng mục công trình có sử dụng nước. Mạng lưới đường ống được thiết kế theo kiểu mạng vòng kết hợp mạng cụt.

+ Đường ống cấp nước cho khu vực thực hành chuồng trại, vườn cây được bơm trực tiếp từ các ao nuôi trồng thủy sản và mương đất phục vụ tưới tiêu.

+ Đường ống cấp nước chính đấu từ nguồn cấp có đường kính Ø110 mm, đường ống phân phối có đường kính Ø50. Trên các tuyến đường ống cấp nước chính bố trí các trụ cứu hoả loại nổi D100, khoảng cách mỗi trụ cứu hoả 100-120 m/trụ.

+ Các ống cấp nước được đặt trên hè, nền đất, những đoạn qua đường, tuỳ thuộc vào chiều sâu sẽ được đặt trong ống lồng bảo vệ. Đường kính ống lồng lớn hơn các ống tương ứng hai cấp tùy trường hợp thực tế.

6.5. Quy hoạch cấp điện

- Tổng nhu cầu cấp điện cho khu vực quy hoạch khoảng: 615,38 KVA.

- Nguồn cấp điện: Đấu nối từ đường điện 22 kV phía Tây khu vực lập quy hoạch.

- Trạm điện: Quy hoạch xây mới trạm biến áp kép 2 máy: 2x320 KVA-22/0.4 kV với tổng công suất 640 KVA cấp điện cho phụ tải.

- Điện hạ thế, chiếu sáng:

+ Điện hạ thế: Xây dựng mới các tuyến cáp hạ thế từ trạm biến áp đi ngầm cấp điện đến các tủ phân phối sau đó đi vào công trình, dây dẫn dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC.

+ Điện chiếu sáng sân đường: Dùng đèn pha led, công suất 150W- 220V lắp trên cột thép bát giác 9 m. Độ chói trung bình đạt 0,8 - 1 Cd/m^2 và đèn chiếu sáng trang trí khu vực cây xanh. Dây dẫn cấp nguồn cho hệ thống điện chiếu sáng được thiết kế ngầm, dây dẫn dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC. Điều khiển hệ thống điện chiếu sáng bằng tủ điều khiển trọn bộ.

+ Điện chiếu sáng khu vực trang trại thực hành: Dùng đèn led, công suất 10 - 25 W, có thể điều chỉnh độ sáng.

6.6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải:

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt: Q = 97 m^3/ngđ.

- Phương án xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại của từng công trình được thu gom về bể xử lý nước thải phi tập trung bố trí trong khu vực trường học. Trước mắt, khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của đô thị chưa được đầu tư, nước thải của trường học sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường có thể sử dụng để tưới cây hoặc thoát ra hệ thống thoát nước khu vực. Về lâu dài, khi hệ thống thoát nước thải tập trung của đô thị được đầu tư hoàn chỉnh, hệ thống thoát nước thải của trường học được đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của đô thị theo định hướng tại quy hoạch chung.

+ Nước thải từ các trại thực hành chăn nuôi được xử lý bằng hầm biogas; bùn cặn trong hầm biogas được tận dụng để làm phân bón hữu cơ giúp cải thiện đất, tăng năng suất cây trồng.

b) Chất thải rắn:

- Chất thải rắn khu vực giảng dạy, lưu trú: Chủ yếu là rác thải sinh hoạt với tổng lượng rác phát sinh: 374,0 kg/ngđ. Bố trí các thùng đựng rác thải trong các hạng mục công trình và sân vườn nội bộ đảm bảo thuận tiện sử dụng; rác thải từ các thùng rác được thu gom về điểm tập kết chất thải rắn bố trí trong khu vực giảng dạy trước khi vận chuyển đến nhà máy xử lý chất thải rắn của khu vực.

- Chất thải rắn khu vực thực hành: Chủ yếu là các bao bì thức ăn gia súc, vỏ hộp thuốc bảo vệ thực vật,….; khối lượng chất thải rắn này không đáng kể (khoảng 3 kg/ngày), được thu gom về điểm tập kết chất thải rắn bố trí trong khu vực thực hành; phân loại tái sử dụng hoặc vận chuyển đến nhà máy xử lý chất thải rắn của khu vực.

6.7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động

- Nguồn cấp: Từ tuyến cáp quang chạy dọc tuyến đường phía Nam khu vực lập quy hoạch thuộc trạm viễn thông Triệu Sơn.

- Giải pháp cung cấp:

+ Từ vị trí đấu nối thuộc tuyến cáp quang viễn thông huyện Triệu Sơn, theo đường cáp quang trung kế dẫn về vị trí tủ cáp thông tin (đặt trên vỉa hè, gần vị trí thư viện hiện trạng), sau đó phân phối tới các khu vực có nhu cầu sử dụng theo hệ thống cáp thuê bao.

+ Toàn bộ cáp viễn thông được đi ngầm; sử dụng chủng loại, tiết diện, quy cách lắp đặt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

7. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Trong quá trình xây dựng: Có phương án thi công, bố trí các máy móc thiết bị làm việc với khoảng cách hợp lý, giảm thiểu tiếng ồn, hạn chế bụi, nước thải và các chất thải rắn làm tác động xấu đến môi trường.

- Trong giai đoạn hoạt động:

+ Trồng cây xanh cách ly bao quanh khu chuồng trại thực hành nhằm hạn chế ô nhiễm không khí, che chắn tiếng ồn, giảm nhiệt độ không khí.

+ Nước thải, chất thải khu chuồng trại thực hành phải được thu gom, xử lý thường xuyên đảm bảo tiêu chuẩn về nước thải và khí thải trước khi thải ra môi trường.

+ Nước thải sinh hoạt và nước thải chăn nuôi: Cấm thải trực tiếp ra môi trường khi chưa qua xử lý đạt tiêu chuẩn.

+ Đối với chất thải rắn: phân loại rác ngay từ nguồn và cần phải tối đa khả năng tái chế. Xử lý rác không tái sử dụng được, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

+ Phòng chống sự cố môi trường và an toàn cháy nổ; lắp đặt hệ thống chống sét cho các công trình và thiết kế đảm bảo các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị hạ tầng kỹ thuật.

+ Sử dụng các giống cây tốt có chất lượng cao, có khả năng kháng bệnh tốt cho hoạt động trồng trọt để giảm thiểu việc sử dụng thuốc bảo vệ môi trường.

- Thực hiện tuân thủ đúng Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

8. Hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

- Giai đoạn hiện nay: Đầu tư xây dựng đồng bộ các hạng mục công trình theo tiến độ quy định tại Điều 1 Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa.

- Giai đoạn sau: Tiếp tục đầu tư các hạng mục còn lại nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo theo mục tiêu đề ra tại Đề án "Phát triển Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4849/QĐ-UBND ngày 19/12/2023.

- Nguồn lực thực hiện: Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác.

9. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết

Ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án xây dựng, cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa kèm theo quyết định phê duyệt đồ án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Triệu Sơn:

- Phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa tổ chức công bố rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch, chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện.

- Rà soát các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác liên quan với quy hoạch chi tiết được duyệt để thực hiện điều chỉnh (nếu có) để đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa các quy hoạch.

- Chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý hoạt động đầu tư xây dựng dự án (về đất đai, môi trường, đấu nối hạ tầng kỹ thuật) đảm bảo theo đồ án quy hoạch được duyệt theo trách nhiệm, quyền hạn được giao.

2. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa có trách nhiệm:

- Hoàn thiện, xuất bản hồ sơ đồ án quy hoạch được duyệt để lưu trữ; phối hợp với UBND huyện Triệu Sơn tổ chức công bố rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch, chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Bàn giao hồ sơ quy hoạch chi tiết được duyệt (thành phần hồ sơ quy hoạch theo quy định hiện hành, hồ sơ lấy ý kiến cộng đồng dân cư và các văn bản pháp lý khác có liên quan) cho Sở Xây dựng, Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa, UBND huyện Triệu Sơn, Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa và các đơn vị liên quan để lưu giữ, đăng tải thông tin quy hoạch và quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Triển khai các bước tiếp theo của dự án thành phần đảm bảo tuân thủ quy hoạch chi tiết được duyệt, tiết kiệm mọi nguồn lực, hiệu quả trong hoạt động đầu tư công theo nhiệm vụ được giao. Thực hiện đầy đủ các thủ tục đấu nối về hạ tầng kỹ thuật khu vực với cơ quan chủ quản liên quan, các hồ sơ về thiết kế xây dựng, đất đai, môi trường, phòng chống cháy nổ theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Phối hợp với: UBND huyện Triệu Sơn, Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa trong quá trình quản lý, sử dụng đất đai cần căn cứ vào quy mô đào tạo của trường học theo các giai đoạn xác định tại Đề án "Phát triển Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" và diện tích đất đã giao tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 791829 ngày 02/4/2010 để đảm bảo phương án sử dụng đất hiệu quả, tránh lãng phí tài nguyên đất đai tại địa phương.

- Theo chức năng, nhiệm vụ của ngành có trách nhiệm quản lý và hướng dẫn các hoạt động về đầu tư xây dựng, khai thác sử dụng của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa đảm bảo tuân thủ pháp luật chuyên ngành.

4. Viện Quy hoạch – Kiến trúc Thanh Hóa có trách nhiệm: Đăng tải nội dung hồ sơ quy hoạch lên Công thông tin quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị Việt Nam (http://quyhoach.xaydung.gov.vn), chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt.

5. Sở Xây dựng và các Sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm quản lý và hướng dẫn thực hiện quy hoạch chi tiết được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn; Trưởng Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa; Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

H4.(2025)QDPD_QHCT CD NLam

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Xuân Liêm